TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20-5-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luận
Bà Phạm Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2021/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021 về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn*: Anh Trần Quang N - SN 1974 "có mặt'
2. *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T - SN 1975 "có mặt"

Cùng trú tại: ngõ N, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Trần Quang N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau vào năm 2004 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố TT, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm cách sống khác nhau và do chị T nghi ngờ anh có quan hệ với người khác nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tuy anh chị vẫn sống chung một nhà nhưng đã ly thân nhau về mặt tình cảm từ cuối năm 2020 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con: Anh chị có 01 con chung: cháu Trần Quỳnh A - SN 19/3/2005. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh xin được nuôi cháu và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết anh thay đổi quan điểm là nếu cháu muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi, trường hợp cháu ở với chị T anh sẽ cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000đ/tháng, còn nếu cháu có nguyện vọng ở với anh thì anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà cấp 4 trị giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) trên diện tích đất của bố mẹ anh cho vợ chồng mượn ở ngõ N, phường N, thành phố T và 01 mảnh đất diện tích 116m^2 tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa tạm tính 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Toàn bộ tài sản trên anh đề nghị chia đôi mỗi người ½ tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/01/2022 anh rút yêu cầu về phần chia tài sản chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Ông Trần Văn B (bố đẻ anh) cũng có đơn đề nghị Tòa án không yêu cầu xem xét giải quyết về diện tích đất cho vợ chồng anh mượn làm nhà để các bên thỏa thuận với nhau.

Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn chị đồng ý như anh N trình bày. Mâu thuẫn của anh chị là do anh N có quan hệ với người khác từ năm 2012 nhưng vì con chị cũng bỏ qua để gia đình tụ. Chị thừa nhận quá trình chung sống anh chị cũng có va chạm nhưng là va chạm nhỏ và hiện nay vẫn sống chung một nhà. Nay anh N có đơn xin ly hôn chị không đồng ý ly hôn vì chưa thống nhất giải quyết được tài sản chung của vợ chồng, nếu anh chị thống nhất về phần tài sản được với nhau thì chị sẽ đồng ý ly hôn.

Về con: Chị đồng ý có 01 con nhung như anh N trình bày. Nếu phải ly hôn chị xin được nuôi cháu và anh N tự nguyện cấp dưỡng bao nhiêu do anh N quyết định, chị không yêu cầu cụ thể.

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết mà muốn anh chị tự thỏa thuận với nhau. Nếu anh chị không tự thỏa thuận được chị sẽ làm đơn yêu cầu giải quyết sau.

Tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn giữ nguyên quan điểm về hôn nhân và không yêu cầu về phần tài sản. Anh thay đổi quan điểm về con như sau: anh đồng ý giao cháu Trần Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng).

Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm về hôn nhân và về con như đã trình bày. Tại phiên tòa chị yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng.

Về công nợ: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành của đương sự kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định.

Về nội dung: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh N về hôn nhân và về con. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung của anh N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng***: Đây là vụ án ly hôn, bị đơn cư trú tại thành phố T. Do đó Tòa án thành phố Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng quy định. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] ***Về hôn nhân***: Anh Trần Quang N và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qúa trình giải quyết vụ án cũng như kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn trong nhiều năm nay. Mặc dù chị T không đồng ý ly hôn nhưng anh chị cũng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Mặt khác, lý do chị T không đồng ý ly hôn là để vợ chồng thỏa thuận về tài sản tài là không có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa hôm nay anh N vẫn cương quyết xin được ly hôn chị T. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình xử cho anh Trần Quang N được ly hôn chị Nguyễn Thị T là phù hợp.

[3] ***Về con*****:** Anh chị có 01 con chung: cháu Trần Quỳnh A - SN 19/3/2005. Ly hôn, anh chị thống nhất giao cháu Quỳnh A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Xét việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về phần cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T không yêu cầu mức cấp dưỡng cụ thể nhưng anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con của là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] ***Về tài sản, công nợ*:** Theo đơn khởi kiện anh N yêu cầu giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất mà bố mẹ anh cho vợ chồng mượn để xây ở tại ngõ N, phường N, thành phố T và 01 mảnh đất diện tích 116m^2 tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình giải quyết anh N rút yêu cầu giải quyết về phần tài sản, ông Trần Văn B (bố anh N) và chị T cũng không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về phần tài sản chung của anh N.

Tại phiên tòa chị T mới yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung của vợ chồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời diểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, do đó yêu cầu giải quyết về phần tài sản của chị T không được chấp nhận trong vụ án này mà giành quyền cho chị được khởi kiện bằng một vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Về công nợ: Anh chị không yêu cầu giải quyết.

[5] ***Về án phí***: Anh N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi theo định kỳ theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/QH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 244; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản của anh Trần Quang N.

Về hôn nhân: Xử cho anh Trần Quang N được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con: Công nhận cháu Trần Quỳnh A - sinh ngày 19/3/2005 là con chung của anh N và chị T. Giao cháu Quỳnh A cho chị T nuôi dưỡng , anh N cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng (ba triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 5/2022 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

***Về tài sản*:** Anh Trần Quang N không yêu cầu Tòa án giải quyết

Giành quyền cho chị Nguyễn Thị T được khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Án phí: Anh Trần Quang N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2021/0001511 ngày

08/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Anh N còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trả lại cho anh Trần Quang N số tiền tạm ứng án phí chia tài sản 2.500.000đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001510 ngày 08/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh N, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TPTH;
- THA- TPTH;
- UBND P. Đ;
- Lưu hồ sơ .

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Thủy